

Số: **487/2018/QĐST-HNGĐ**

*Huế, ngày 06 tháng 9 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 454/2018/TLST/HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018, giữa :

*Nguyên đơn:* Chị Lê Ngọc Huyền N, sinh năm 1993.

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 17 đường D, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở: Số 10 kiệt 100 đường N, phường A, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*Bị đơn:* Anh Lê Quốc T, sinh năm 1993.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số nhà 17 đường D, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2018.

**XÉT THẤY :**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH :**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Lê Ngọc Huyền N và anh Lê Quốc T.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự cụ thể như sau:**

2.1 Về con chung: Chị Lê Ngọc Huyền N và anh Lê Quốc T công nhận vợ chồng có 01 con chung là Lê Hoàng Khang T, sinh ngày 12/5/2012, hiện cháu Lê Hoàng Khang T đang ở với chị N.

Chị Lê Ngọc Huyền N và anh Lê Quốc T thỏa thuận giao con chung cho chị Lê Ngọc Huyền N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

2.2 Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra do chị Lê Ngọc Huyền N không có yêu cầu.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Ngọc Huyền N và anh Lê Quốc T công nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

2.4 Về án phí ly hôn: gồm 150.000 đồng (300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng). Chị Lê Ngọc Huyền N chịu toàn bộ án phí này nhưng được khấu trừ vào số tiền chị N đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu số 005901 ngày 01/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Hoàn trả cho chị N 150.000 đồng.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSNDTP Huế
- UBND phường Tây Lộc- Huế.
- (ĐKKH ngày 20/3/2012)**
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hué**